

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *197* / CTLN- KH KD
V/v báo cáo nội dung công bố công
khai thông tin của Doanh nghiệp
theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP
ngày 18/9/2015.

Bình Thuận, ngày *16* tháng 4 năm 2021

Kính gửi : Sở Tài chính Bình Thuận.

Thực hiện Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính Phủ về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 907/QĐ - UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển 5 năm (2021-2025 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận;

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận báo cáo công bố công khai thông tin của doanh nghiệp theo các Phụ lục tại Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015, cụ thể:

Nội dung công bố thông tin:

1/ Phụ lục số III: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của doanh nghiệp (2021-2025)

2/ Hình thức công bố thông tin:

Công ty đã thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử <http://www.lamnghepbinhthuan.com>.

Công TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận báo cáo Sở Tài chính xem xét tổng hợp. *du b*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Chủ tịch Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Kiểm soát viên Công ty
- Phòng KH KD, TC HC, TC KT;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Lê Ngọc Cường

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Công văn số 197/CTLN-KH KD ngày 16 tháng 4 năm 2021
của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận)

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM
NGHIỆP BÌNH THUẬN**
MST: 3401121487

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 907/QĐ - UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển 5 năm (2021-2025) của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận;

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1./ Những sự kiện quan trọng.

Thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 2095/TTg-ĐMDN ngày 16/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Bình Thuận, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận có Quyết định số 3616/UBND ngày 16/12/2015 về việc Hợp nhất hai doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận (cũ) và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hàm Tân thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận (mới).

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận
- Thông tin chủ sở hữu: UBND tỉnh Bình Thuận.
- Vốn điều lệ: 96.700.608.572 đồng
- Mã số thuế: 3401121487
- Địa chỉ số 30 đường Yersin, phường Phú Trinh, Tp Phan Thiết Tỉnh Bình Thuận.

2./ Quá trình phát triển.

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

Chức năng, nhiệm vụ của Công ty: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận có chức năng, nhiệm vụ chính:

- Trồng rừng, khai thác, chế biến lâm sản;
- Quản lý bảo vệ rừng;
- Kinh doanh dịch vụ nông, lâm nghiệp và du lịch sinh thái...

2.2. Các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

- Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng của Công ty theo các mục tiêu của phương án quản lý rừng bền vững, tiến tới cấp chứng chỉ rừng FSC trên toàn bộ diện tích rừng công ty

đang quản lý.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc tăng năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất tạo giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến, phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm, từng bước phát triển thị trường gỗ và sản phẩm từ gỗ rừng trồng.

- Tạo thêm công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn đi đôi với việc bảo vệ và phát huy giá trị phòng hộ môi trường của rừng trồng đem lại, giảm biến đổi khí hậu...

2.3. Ngành, nghề kinh doanh chính.

- Trồng rừng nguyên liệu;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm từ rừng trồng;
- Trồng cây nông nghiệp (cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lương thực);
- Thiết kế khai thác lâm sản, thiết kế trồng rừng;
- Dịch vụ kỹ thuật nông lâm nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông - lâm nghiệp;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản;
- Chăn nuôi, quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên;
- Kinh doanh nhà nghỉ, dịch vụ du lịch sinh thái;
- Kinh doanh gỗ và sản phẩm từ rừng tự nhiên và lâm đặc sản khác.

3. Định hướng phát triển.

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp.

Công ty xác định mục tiêu kinh doanh chính là trồng rừng nguyên liệu và chế biến gỗ rừng trồng, trồng xen cây nông nghiệp có giá trị cao dưới tán rừng trồng. Đầu tư một vườn ươm cây giống lâm nghiệp công suất 5 triệu cây /năm với công nghệ cây mô kết hợp công nghệ nhà màng .

3.2 Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, đặc điểm tình hình thực tế của Công ty, căn cứ định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ngành và căn cứ tiềm năng đất đai, nguồn lao động, phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu phát triển, định hướng đổi mới, xã hội hóa...

Định hướng phát triển công ty:

- Tiếp tục hoàn tất việc tìm kiếm, xác lập thành viên thứ hai để hoàn chỉnh việc phương án sắp xếp, chuyển đổi Công ty theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Bình Thuận.
- Quản lý, sử dụng hiệu quả diện tích rừng trồng sản xuất hiện có, trọng tâm là diện tích công ty tự sản xuất, diện tích liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế.
- Đầu tư xây dựng vườn ươm giống theo công nghệ cây mô nhằm mục đích sản xuất cây giống đảm bảo chất lượng cung ứng cho trồng rừng theo kế hoạch sản xuất của Công ty và người dân địa phương trong các năm tới.
- Áp dụng nghiêm quy trình quản lý rừng bền vững vào thực tiễn sản xuất.

Tuân thủ các quy định của GFA về chứng chỉ rừng bền vững FSC trong trồng rừng, khai thác và chuỗi hành trình quản lý lâm sản.

- Triển khai và thực hiện chương trình rừng cây gỗ lớn. Tổ chức chăm sóc, xử lý tỉa thưa, xử lý sâu bệnh, đo sinh trưởng rừng cây gỗ lớn theo kế hoạch năm.

- Tìm kiếm khách hàng để tiêu thụ gỗ rừng trồng có nguồn gốc FSC nhằm nâng cao giá trị gia tăng từ gỗ nguyên liệu rừng trồng của công ty.

- Tái cơ cấu hệ thống chế biến gỗ công ty và các đơn vị trồng rừng theo hướng thuận lợi cho công tác quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Củng cố, xây dựng thương hiệu đồ gỗ LNBT, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, khuyến mại, chất lượng sản phẩm... Tiếp tục tìm kiếm mở rộng thị trường, phát triển hệ thống phân phối đồ gỗ.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025

1/ Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những hạn chế trong kỳ kế hoạch trước.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ chính trị về việc sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông lâm nghiệp và kế hoạch 703/KH-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận.

- Tích lũy đầu tư để hình thành dần những cánh rừng gỗ lớn. Theo kế hoạch này dự kiến đến năm 2025 sẽ có khoảng 200 ha rừng gỗ lớn, đến năm 2026 khi diện tích này đưa vào khai thác dần thì doanh thu sẽ tăng cao.

- Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng của Công ty theo các mục tiêu của phương án quản lý rừng bền vững, tiến tới cấp chứng chỉ rừng FSC trên toàn bộ diện tích rừng công ty đang quản lý.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc tăng năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất tạo giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến, phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm, từng bước phát triển thị trường gỗ và sản phẩm từ gỗ rừng trồng.

- Tạo thêm công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn đi đôi với việc bảo vệ và phát huy giá trị phòng hộ môi trường của rừng trồng đem lại, giảm biến đổi khí hậu...

2./ Mục tiêu cụ thể: năm 2025:

Một số chỉ tiêu định hướng đến năm 2025:

- Giá trị sản lượng:

+ Rừng trồng: 1.005 ha

+ Chế biến gỗ: 3.400 sản phẩm

- Doanh thu bq hằng năm : 64,5 tỷ đồng

- Nộp ngân sách nhà nước bq : 5,62 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 4,82 tỷ đồng
- Tổng vốn chủ sở hữu : 110 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu : 7,46%
- Thu nhập BQ tháng 1 CBCNV : 08 triệu đồng/người/ tháng
- Tổng số CBCNV : 228 người

3/ Kế hoạch triển khai:

Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển

3.1/ Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

ST T	Các chỉ tiêu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu						
	- Sản phẩm mộc	SP	3.360	3.400	3.400	3.400	3.400
	- Rừng trồng	Ha	1.018	1.101	1.003	925	1.005
2	Doanh thu	Tỷ đồng	62.01	62,74	63,01	63,96	64,50
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,02	4,35	4,41	4,67	4,82
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,48	5,51	5,55	5,57	5,62
5	Tổng số lao động	Người	208	213	218	223	228
6	Tổng quỹ lương (bao gồm VCQL)	Tỷ đồng	17,78	19,73	20,71	21,42	22,62
	- Quỹ lương viên chức quản lý	Tỷ đồng	1,78	2,05	2,25	2,25	2,46
	- Quỹ lương của người lao động	Tỷ đồng	16,00	17,68	18,46	19,16	20,16

3.2/ Kế hoạch Quỹ tiền lương:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			2021	2022	2023	2024	2025
I	Hạng công ty được xếp		I	I	I	I	I
II	Tiền lương của người lao động						
1	Tổng số lao động	Người	200	205	210	215	220
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/ tháng	6.67	7.19	7.32	7.43	7.64
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	16.003	17.683	18.456	19.162	20.156
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	1.597	1.725	1.747	1.851	1.906
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng tháng	7,33	7,89	8,02	8,15	8,36
III	Tiền lương của viên chức quản lý						
1	Số viên chức quản lý doanh nghiệp	Người	8	8	8	8	8
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr. đồng/	23,71	23,71	23,71	23,714	23,71

		tháng					
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	1.777	2.047	2.252	2.252	2.456
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng /tháng	18,51	21,323	23,458	23,458	25,583
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	148	166	178	181	194
6	Tiền thưởng, thu nhập	Tr.đồng	1.925	2.213	2.430	2.433	2.650
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Tr.đồng /tháng	20,05	23,05	25,31	25,34	27,60

3.3/ Kế hoạch triển khai (đầu tư phát triển 5 năm):

ST T	Danh mục dự án	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch					
			Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
1	Nhà máy sản xuất ván nhân tạo	Tỷ đồng	180		120	60		
2	Dự án vườn ươm giống, cây mô và nghiên cứu khảo nghiệm giống cây lâm nghiệp.	Tỷ đồng	10	4	3	3		
3	Xây dựng Nhà trung bày và đầu tư xây dựng các công trình làm việc các đơn vị cơ sở	Tỷ đồng	6	4	2			
4	Sửa chữa nâng cấp ST 509	Tỷ đồng	5		5			
5	Xây dựng Trung tâm phân phối gỗ nguyên liệu và nhà xưởng sp nội thất (km 14)	Tỷ đồng	15		10	5		
6	Đầu tư mới và nâng cấp máy móc thiết bị chế biến gỗ	Tỷ đồng	10	6	4			
7	Duy trì và cấp mới lại chứng chỉ rừng FSC	Tỷ đồng	6	1	2	1	1	1
8	Lập bản đồ địa chính cấp giấy CNQSDĐ	Tỷ đồng	2	1	0.5	0.5		
9	Xây dựng đường lâm nghiệp (Sỏi đỏ)	Tỷ đồng	10	3	2	2	2	1
10	Đầu tư xây dựng rừng cây gỗ lớn	Tỷ đồng	10	2	2	2	2	2
11	Đầu tư cải tạo rừng trồng Bạch đàn tái sinh	Tỷ đồng	15	5	5	5		
	Tổng cộng		269	26	155.5	78.5	5	4

4/ Các giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về tài chính:

- Huy động nguồn vốn từ đối tác tham gia sắp xếp, chuyển đổi công ty.
- Huy động thêm vốn bên ngoài từ nguồn liên kết, hợp tác đầu tư như: xây dựng nhà máy chế biến ván nhân tạo, chế biến gỗ xuất khẩu.
- Hiện nay nguồn bổ sung vốn điều lệ Công ty chủ yếu trích từ nguồn lợi nhuận. Đề nghị cấp trên cho giữ lại phần lợi nhuận trích nộp ngân sách để bổ sung vốn hoạt động cho Công ty.
- Xin được hỗ trợ vay vốn ưu đãi để đầu tư nhà máy chế biến gỗ.

2. Giải pháp về sản xuất:

- Xây dựng rừng trồng cây gỗ lớn gắn với thương hiệu FSC (FM/CoC) để tăng giá trị kinh tế rừng trồng. Đồng thời tận dụng các cây nguyên liệu, dược liệu phù hợp để trồng xen canh dưới tán cây rừng, lấy ngắn nuôi dài, đa dạng hóa cây trồng.

Theo kế hoạch này hàng năm sẽ chuyển rừng gỗ lớn bình quân 40 ha/năm, đến năm 2025 khoảng 200 ha gỗ lớn đưa vào khai thác dần. Dự kiến doanh thu từ năm 2021-2025 giữ mức ổn định, đến năm 2026 sẽ tăng cao khi đưa vào khai thác rừng gỗ lớn.

- Quản lý sử dụng đất gắn với QLRBV.
- + Phối hợp tốt với đơn vị tư vấn hoàn thành công tác cấp mới, cấp đổi QSDĐ trên toàn bộ diện tích đất đang quản lý.
- + Thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Tài nguyên môi trường giao trả về địa phương quản lý theo phương án sử dụng đất đã được duyệt.
- + Thực hiện các biện pháp quản lý, sử dụng đất có hiệu quả như giao khoán ổn định đối với diện tích đất theo Nghị định 168/CP.
- + Đối với diện tích thực hiện liên doanh, liên kết: Công ty sẽ rà soát lại đơn vị nào sản xuất kinh doanh không hiệu quả, trồng cây chưa đúng mục đích, lãng phí đất để thu hồi đưa vào sản xuất tránh lãng phí đất.
- + Đối với đất đang tranh chấp, lấn chiếm: Phối hợp với địa phương rà soát ranh giới, diện tích thống nhất bàn giao cho địa phương hướng dẫn thực hiện theo Luật Đất đai 2013, và kiên trì xử lý các vụ việc dứt điểm theo Bộ Luật Lâm nghiệp 2017.

- **Về Liên kết, hợp tác đầu tư:** Phân chia sản phẩm đối với hợp đồng đã khai thác mỏ cao su như: Hoàng Linh, Đồng Tiến, Toàn Phát, Nhật Anh Huy...

3. Giải pháp Marketing:

- Xây dựng thương hiệu công ty từ việc khai thác lợi thế về nguồn gỗ rừng trồng có nguồn gốc và được cấp chứng chỉ FM/CoC để nâng cao uy tín thương hiệu Công ty trong những năm đến.
- Xây dựng chương trình xúc tiến thương mại, PR, mở rộng hệ thống đại lý tiêu thụ đồ gỗ nội thất.
- Định vị, khảo sát thị trường: Xác định thị trường chính trong giai đoạn đến năm 2025 là nội địa (từ Đà Nẵng trở vào các tỉnh phía Nam), hoàn thiện các chính sách và các điều kiện cơ hội để tìm kiếm thị trường xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tạo động lực mới cho người lao động thông qua các cơ chế, chính sách về trả lương, thưởng, các khoản phúc lợi khác cho người lao động bằng các quy định, quy chế rõ ràng, phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn mới. Chú trọng đầu tư về chất lượng nhân lực phù hợp với từng giai đoạn, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Quy hoạch cán bộ nguồn vào các chức vụ lãnh đạo chủ chốt công ty đủ tầm, đủ tâm để lãnh đạo, điều hành công ty theo định hướng mới.

5. Giải pháp về công nghệ, kỹ thuật:

- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại vào hoạt động chế biến gỗ để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

- Đầu tư vườn ươm cây mô công suất 5-10 triệu cây/năm để phục vụ trồng rừng chất lượng cao và cung ứng ra bên ngoài.

- Ứng dụng khoa học để đầu tư thâm canh rừng trồng.

6. Giải pháp về quản lý, điều hành:

Xây dựng hoàn thiện và ban hành ngay Quy chế quản lý hoạt động chung cho toàn Công ty trên cơ sở Điều lệ hoạt động và các chính sách phát luật mới của nhà nước làm cơ sở để tiếp tục xây dựng ban hành các Quy chế quản lý còn thiếu hoặc không còn phù hợp với mô hình hiện nay như: Quy chế quản lý tài chính; chi tiêu nội bộ; Quy chế về chính sách giao nhận khoán rừng trồng theo Nghị định 168/CP...

7. Giải pháp về chế biến:

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hiện đại hơn để sản xuất các sản phẩm chất lượng, mẫu mới... tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường sản phẩm đồ gỗ.

+ Đối với nguyên liệu, cần lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý. Có phương án dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo nguyên vật liệu cho sản xuất.

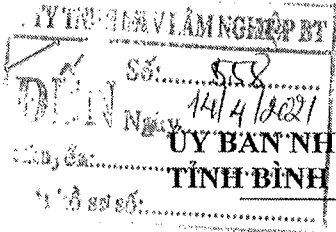
+ Tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới, nguyên liệu nhập khẩu đưa vào chế biến cụ thể như các nguồn gỗ nhập khẩu như Tần bì, Sồi...; Sử dụng nguồn gỗ từ rừng trồng Công ty thay thế dần gỗ tự nhiên ngày càng cạn kiệt.

+ Tiếp tục cải tiến và đưa vào quản lý quy trình quản lý chất lượng, áp dụng các quy trình quản lý tại các xí nghiệp như KAIZEN - 5S, ISO...

8. Giải pháp khác:

- **Giải pháp về quản lý rừng bền vững:** Căn cứ phương án quản lý rừng bền vững đã được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và các quy định của FSC, Công ty tiếp tục xây dựng và cập nhật các quy trình, quy phạm kỹ thuật, các hướng dẫn, biểu mẫu...

- Xây dựng kế hoạch trồng rừng, khai thác rừng trồng, sử dụng sản phẩm gỗ nguyên liệu phù hợp với quy định của FSC.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

Số: 907/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 13 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư
phát triển 5 năm (2021 - 2025) của Công ty TNHH
Một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc công bố thông tin của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy chế nội bộ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1267/SKHĐT-KH ngày 15 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm (2021 - 2025) của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu của kỳ kế hoạch:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch					
			2021	2022	2023	2024	2025	
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:							
	- Sản phẩm mộc	SP	3.360	3.400	3.400	3.400	3.400	

	- Rừng trồng	Ha	1.018	1.101	1.003	925	1.005
2	Doanh thu	Tỷ đồng	62.01	62,74	63,01	63,96	64,50
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,02	4,35	4,41	4,67	4,82
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,48	5,51	5,55	5,57	5,62
5	Tổng số lao động	Người	208	213	218	223	228
6	Tổng quỹ lương (bao gồm viên chức quản lý)	Tỷ đồng	17,78	19,73	20,71	21,42	22,62
	- Quỹ lương viên chức quản lý	Tỷ đồng	1,78	2,05	2,25	2,25	2,46
	- Quỹ lương của người lao động	Tỷ đồng	16,00	17,68	18,46	19,16	20,16

2. Kế hoạch quỹ tiền lương:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			2021	2022	2023	2024	2025
I	Hạng công ty được xếp		I	I	I	I	I
II	Tiền lương của người lao động						
1	Tổng số lao động	Người	200	205	210	215	220
2	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	6,67	7,19	7,32	7,43	7,64
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	16.003	17.683	18.456	19.162	20.156
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi cho người lao động	Triệu đồng	1.597	1.725	1.747	1.851	1.906
5	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/tháng	7,33	7,89	8,02	8,15	8,36
III	Tiền lương của viên chức quản lý						
1	Số viên chức quản lý doanh nghiệp	Người	8	8	8	8	8
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	23,71	23,71	23,71	23,71	23,71
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	1.777	2.047	2.252	2.252	2.456
4	Mức tiền lương thực hiện bình quân	Triệu đồng/tháng	18,51	21,32	23,46	23,46	25,58

5	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng	148	166	178	181	194
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng	1.925	2.213	2.430	2.433	2.650
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng	20,05	23,05	25,31	25,34	27,60

3. Kế hoạch đầu tư phát triển:

STT	Danh mục dự án	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch					
			Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
1	Nhà máy sản xuất ván nhân tạo	Tỷ đồng	180		120	60		
2	Dự án vườn ươm giống, cây mô và nghiên cứu khảo nghiệm giống cây lâm nghiệp.	Tỷ đồng	10	4	3	3		
3	Xây dựng Nhà trung bày và đầu tư xây dựng công trình làm việc các đơn vị cơ sở	Tỷ đồng	6	4	2			
4	Sửa chữa nâng cấp siêu thị 509	Tỷ đồng	5		5			
5	Xây dựng Trung tâm phân phối gỗ nguyên liệu và nhà xưởng sản phẩm nội thất (km 14)	Tỷ đồng	15		10	5		
6	Đầu tư mới và nâng cấp máy móc thiết bị chế biến gỗ	Tỷ đồng	10	6	4			
7	Duy trì và cấp mới lại chứng chỉ rừng FSC	Tỷ đồng	6	1	2	1	1	1
8	Lập bản đồ địa chính cấp giấy CNQSDD	Tỷ đồng	2	1	0,5	0,5		
9	Xây dựng đường lâm nghiệp (Sỏi đỏ)	Tỷ đồng	10	3	2	2	2	1
10	Đầu tư xây dựng rừng cây gỗ lớn	Tỷ đồng	10	2	2	2	2	2
11	Đầu tư cải tạo rừng trồng Bạch đàn tái sinh	Tỷ đồng	15	5	5	5		
	Tổng cộng		269	26	155,5	78,5	5	4

Điều 2. Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận có trách nhiệm triển khai thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KT. Văn



CHỦ TỊCH

Lê Tuấn Phong